CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Cán thép Thái Trung

Ngày 30/09/2025	5,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**16.3%**	**25.0%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,600 - 5,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	254
Số lượng CPLH (CP)	50,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.01
EPS	3
P/E	1560.7

DT thuần
Q3/25
1,447
tỷ VNĐ
QoQ: ▼135| -8.5%
YoY: ▲ 212| 17.1%

LN thuần
Q3/25
-0.75
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.48| -143%
YoY: ▼3.06| -132%

LN sau thuế
Q3/25
-0.10
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.17| -109%
YoY: ▼2.76| -104%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
0.3%
YoY: +/-▼ 0.1%

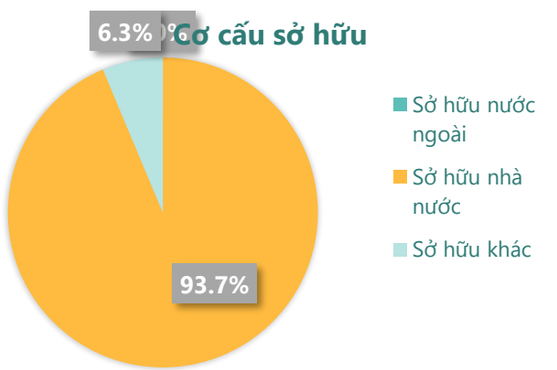
ROE (TTM)
Q3/25
0.1%
YoY: +/-▼ 0.9%

DT thuần
9T 2025
4,575
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 719| 18.6%

LN thuần
9T 2025
1.76
tỷ VNĐ
YoY: ▼12.4| -87.6%

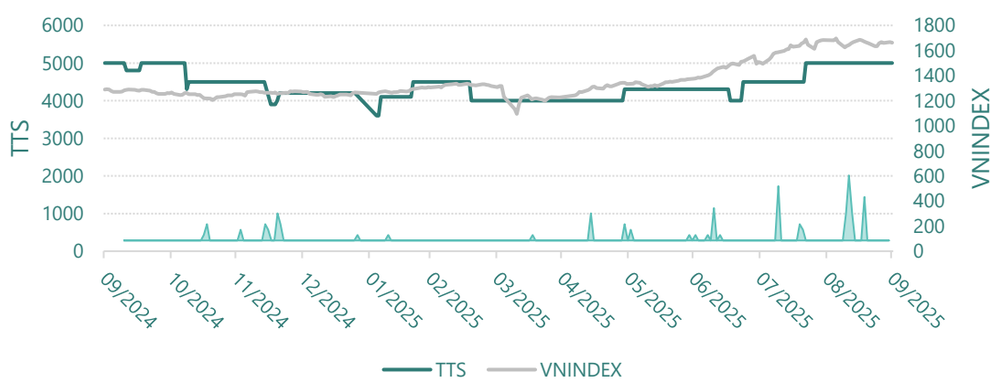
LN sau thuế
9T 2025
1.54
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.1| -87.8%

Cơ cấu sở hữu

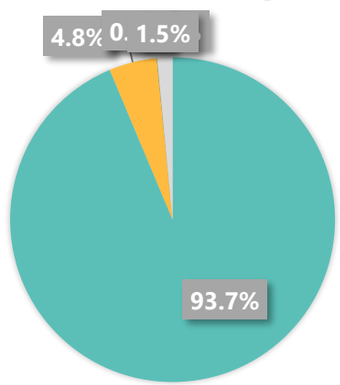


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

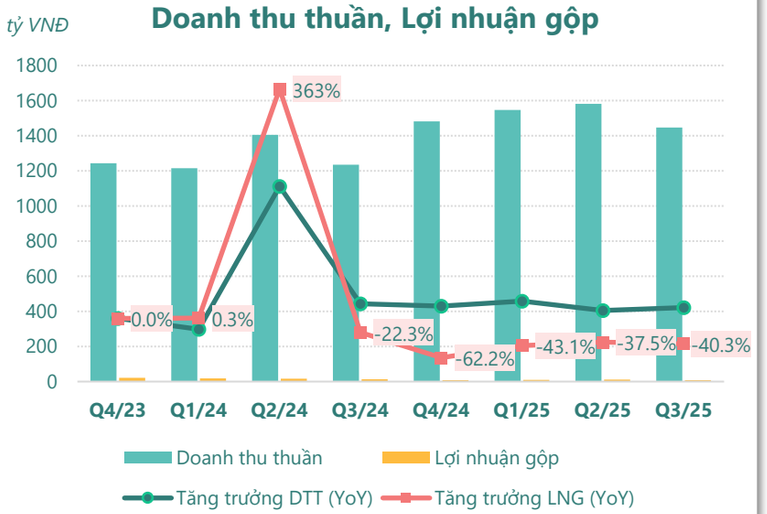


- CTCP Gang thép Thái Nguyên
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Nam
- Phan Đình Hạnh
- Phạm Thế Dũng
- Đỗ Thủy Hường (Trưởng ban kiểm soát)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

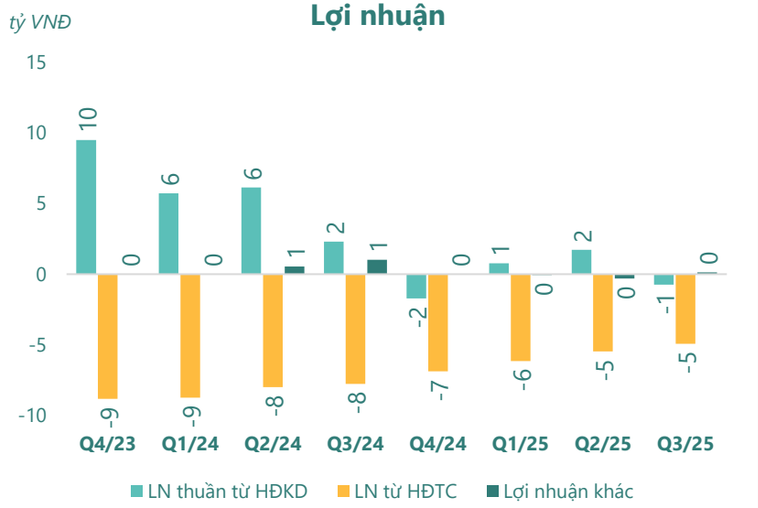
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



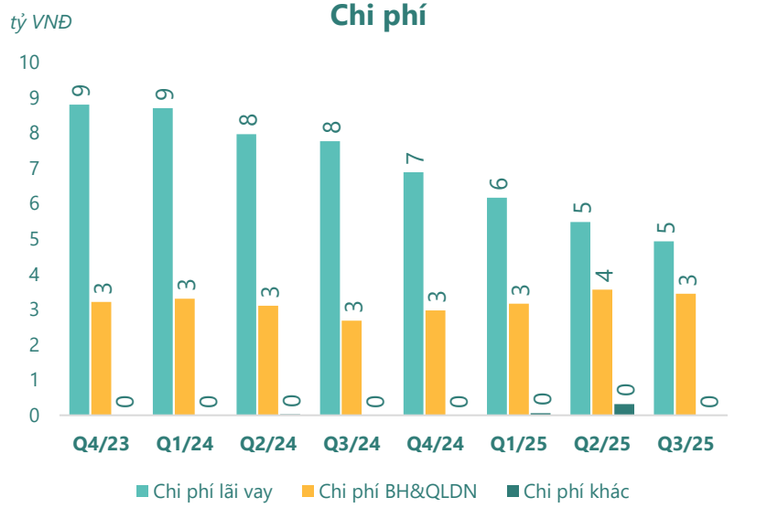
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



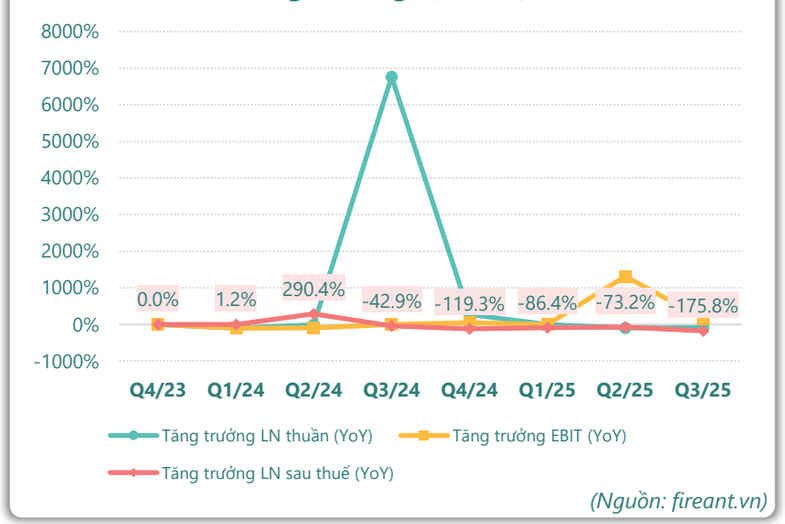
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



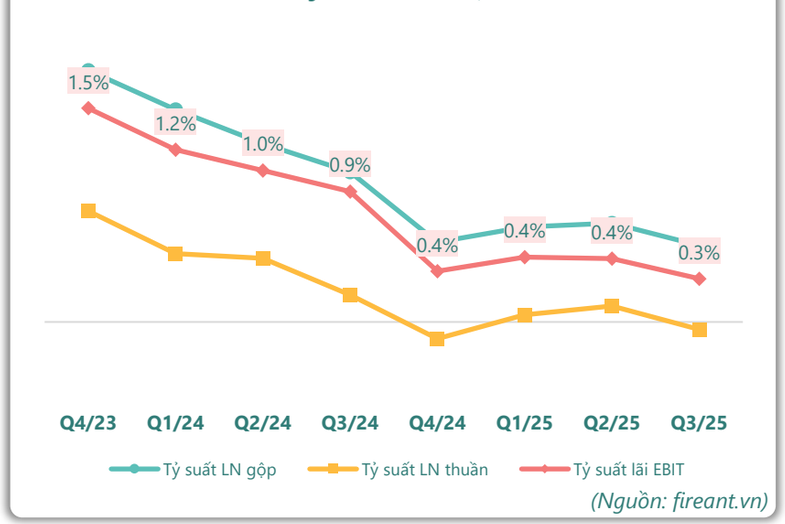
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



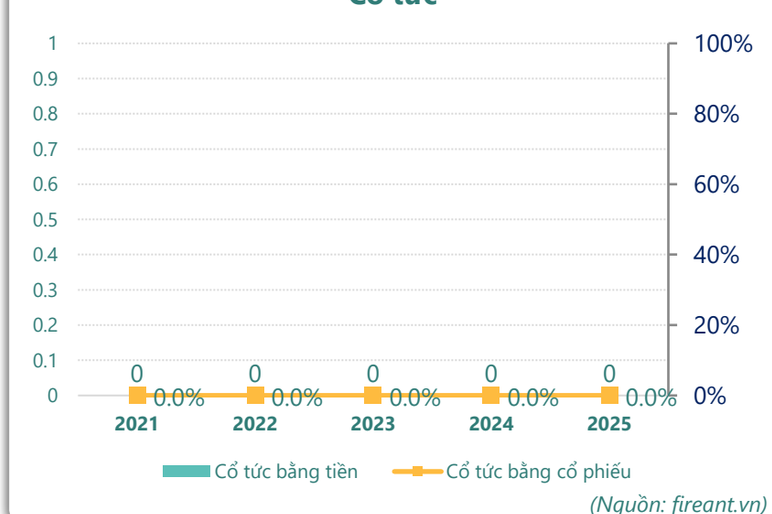
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

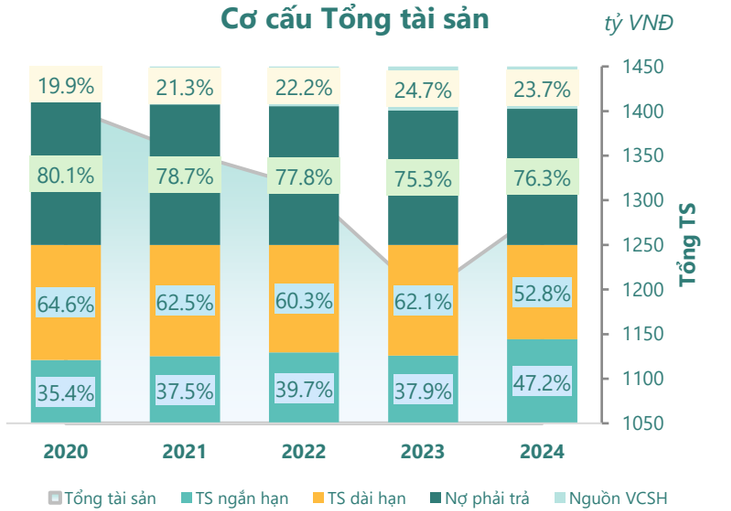
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

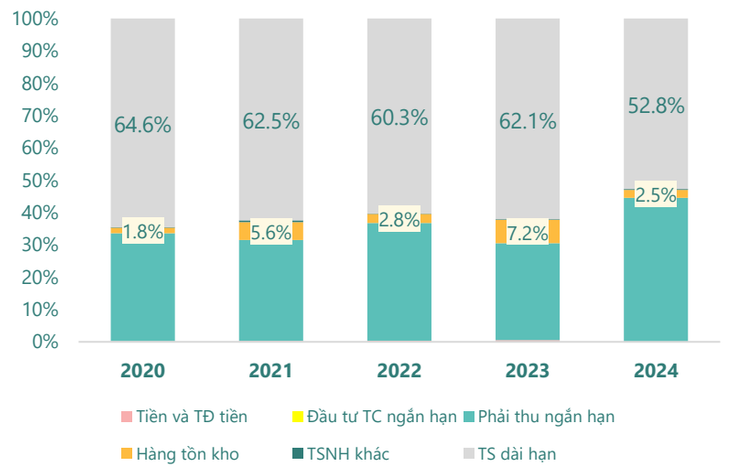
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



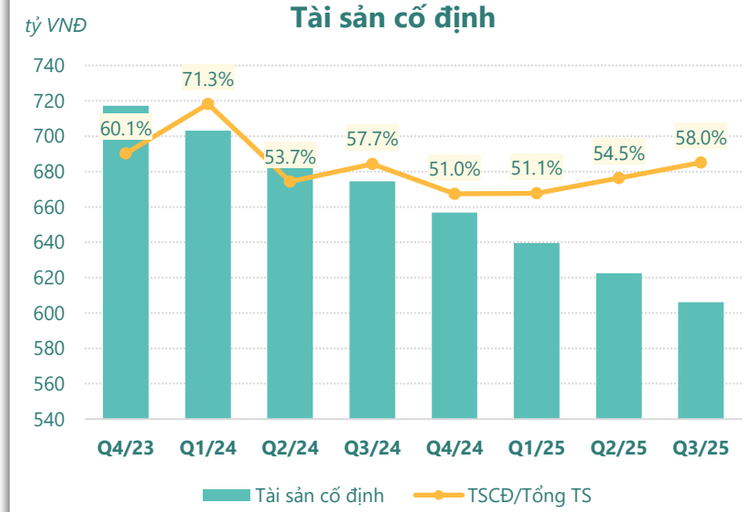
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



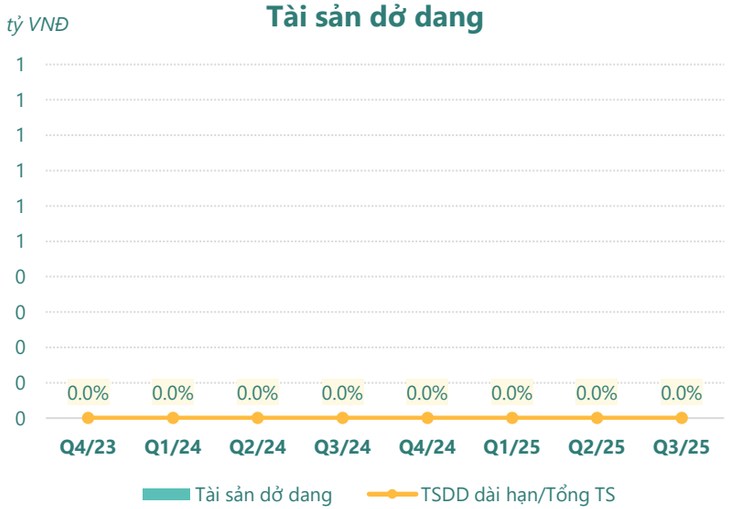
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



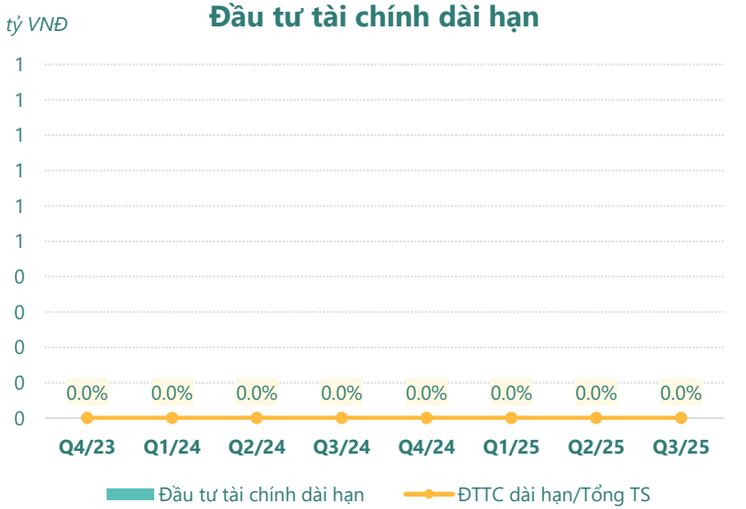
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



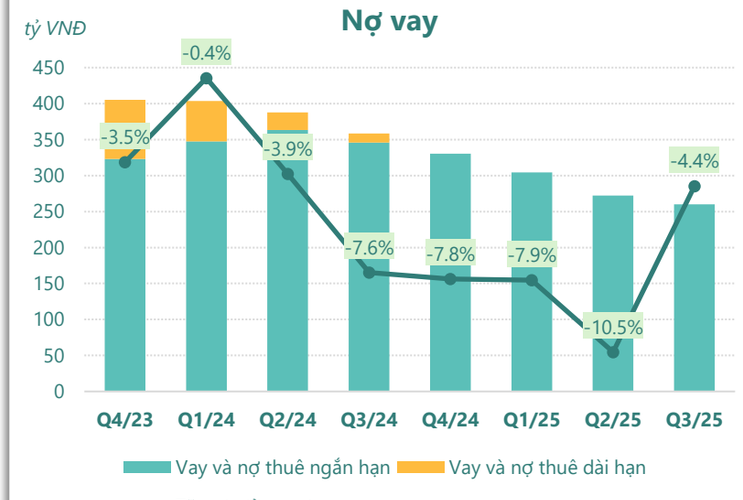
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

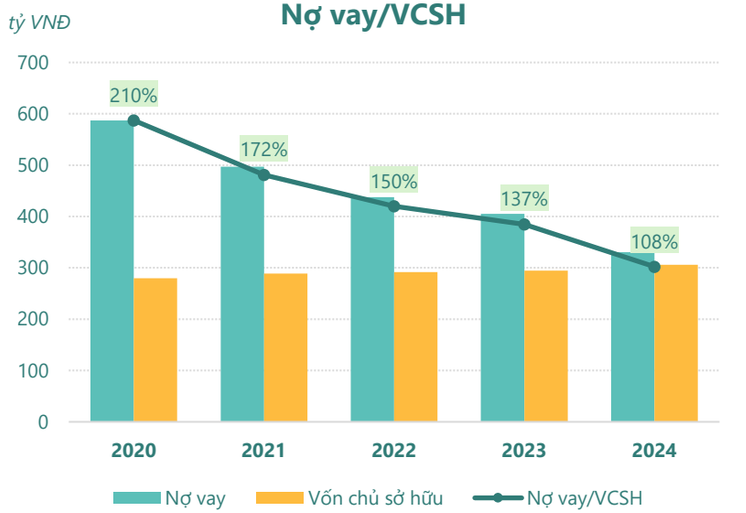
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



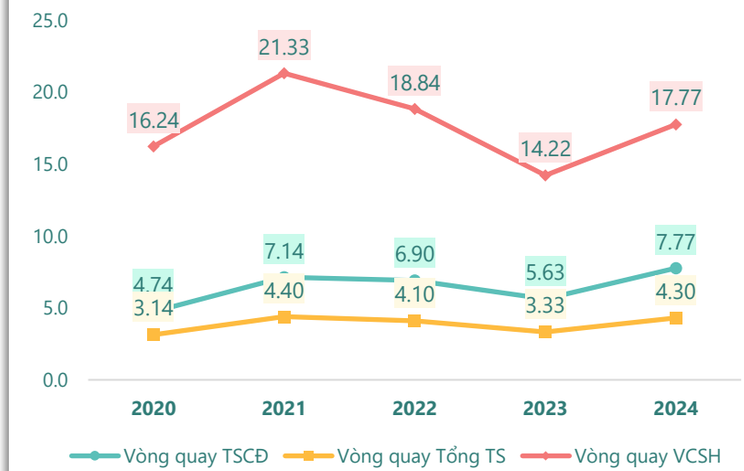
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



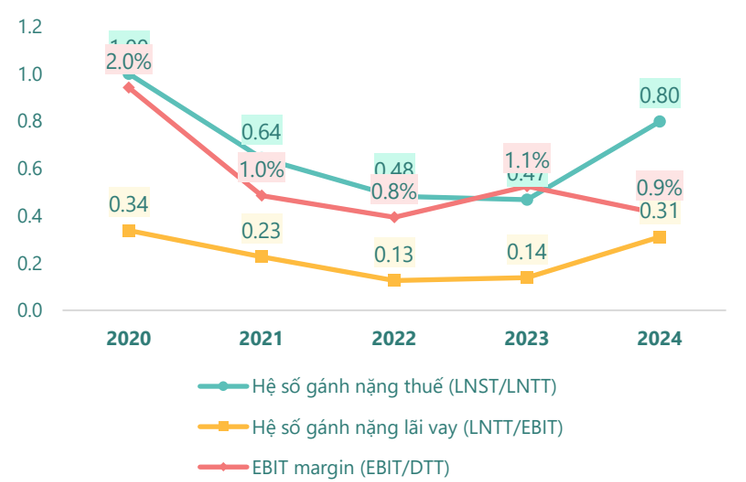
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



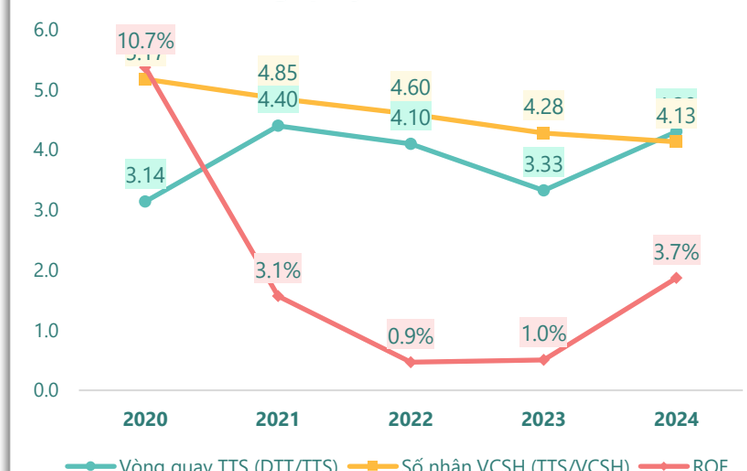
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



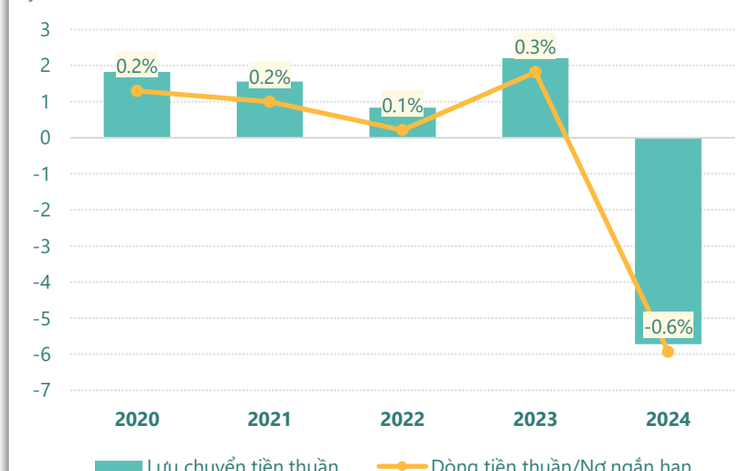
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,447**	**1,235**	**17.1%**	**4,575**	**3,856**	**18.6%**
Giá vốn hàng bán	1,439	1,223	17.7%	4,546	3,808	19.4%
Lợi nhuận gộp	7.63	12.8	-40.4%	28.5	47.8	-40.3%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00	-60.6%
Chi phí TC	4.93	7.78	-36.6%	16.6	24.5	-32.4%
Chi phí lãi vay	4.93	7.77	-36.6%	16.6	24.4	-32.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.05	0.06	-9.4%	0.20	0.17	13.9%
Chi phí QLDN	**3.39**	**2.63**	**28.8%**	**9.98**	**8.92**	**11.8%**
LN thuần từ HĐKD	-0.75	2.31	-132%	1.76	14.2	-87.6%
Lợi nhuận khác	**0.14**	**1.03**	**-86.9%**	**-0.22**	**1.58**	**-114%**
LN trước thuế	-0.61	3.34	-118%	1.54	15.8	-90.3%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.10**	**2.66**	**-104%**	**1.54**	**12.6**	**-87.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.10**	**2.66**	**-104%**	**1.54**	**12.6**	**-87.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	17.6	28.0	28.3	25.3	32.9	12.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	0.00	-0.61	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-15.9	-29.4	-28.1	-26.0	-32.1	-11.9
Tiền đầu kỳ	0.35	2.09	0.64	0.92	0.19	0.44
Lưu chuyển tiền thuần	**1.73**	**-1.44**	**0.27**	**-0.73**	**0.25**	**0.22**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.09	0.64	0.92	0.19	0.44	0.66

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,044**	**1,289**	**-19.0%**
Tài sản ngắn hạn	416	608	-31.7%
Tiền và tương đương tiền	0.66	0.92	-28.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	380	573	-33.7%
Hàng tồn kho	31.7	32.5	-2.3%
Tài sản ngắn hạn khác	3.60	2.41	49.2%
Tài sản dài hạn	**628**	**680**	**-7.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	606	657	-7.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**22.3**	**23.5**	**-5.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	737	983	-25.0%
Nợ ngắn hạn	**737**	**983**	**-25.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	260	330	-21.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	461	633	-27.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**307**	**306**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**307**	**306**	**0.3%**
Vốn điều lệ	508	508	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)